

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2019/DS-ST**

Ngày: 31-10-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hồ Văn Tài**.

2. Ông **Lữ Quốc Toàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân
Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm
2017 về “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
26/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số
126/2019/QĐ-HPTST ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M** - Sn: 1935.

ĐKTT: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Đình N, sinh năm 1957;
ĐKTT: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản
ủy quyền ngày 29-10-2015).

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Hữu T** - Sn: 1958.

Bà **Nguyễn Thị H** – Sn: 1960.

Cùng ĐKTT: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L: Bà **Nguyễn Thị U** – Phó

Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 06-9-2019).

+ Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc L; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, làm đại diện theo pháp luật.

+ Công ty Cổ phần tập đoàn I

Địa chỉ trụ sở chính: 61 G, Phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh G – Trợ lý Tổng giám đốc, làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 28-7-2017).

+ Ông Phan Đình N, sinh năm 1957.

ĐKTT: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Phan Đình N và bà Nguyễn Thị Thanh G có mặt; Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06-10-2015, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phan Đình N trình bày: Bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 598906 - 03268 ngày 06-6-1996 gồm: thửa 308 tờ bản đồ 6A; thửa 450 tờ bản đồ 02 và thửa 481 tờ bản đồ 07, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Năm 2011, bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất trồng cây lâu năm 4.671m² thuộc thửa 450 tờ bản đồ 02 xã X cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T - bà Nguyễn Thị H, với giá 550.000.000 đồng. Nhưng người lập hợp đồng chuyển nhượng ghi trong hợp đồng bao gồm cả thửa 308 tờ bản đồ 6A, xã X (là đất vườn và căn nhà của bà M đang ở). Do đó, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 308 tờ bản đồ 6A, xã X cho ông T - bà H ngày 21-7-2011.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

1. Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 141 quyền số 01/2011.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, đối với thửa đất số 308 tờ bản đồ 6A xã X.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308 tờ bản đồ 6A, xã X.

Về các khoản chi phí tố tụng ông đã tạm ứng, ông không có yêu cầu gì.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

- Quá trình làm việc, bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông bà thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Ông, bà chấp

nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 141 quyền số 01/2011.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, đối với thửa đất số 308 tờ bản đồ 6A xã X và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông bà ngày 21-7-2011, đối với thửa 308 tờ bản đồ 6A, xã X.

- *Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần tập đoàn I trình bày:* Thửa đất số 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), diện tích 433m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H là chủ Doanh nghiệp tư nhân TH đã bảo lãnh thế chấp quyền sử dụng đất trên cho Công ty Cổ phần tập đoàn I để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18-4-2012, đến nay đã giải chấp, hiện nay ông ty Cổ phần tập đoàn Intimex đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Về mặt pháp lý, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), của Ủy ban nhân dân huyện L là đúng quy định pháp luật. Việc nguyên đơn yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01) là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần tập đoàn I. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đang sinh sống trực tiếp từ trước đến nay trên thửa đất số 308. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- *Trong quá trình làm việc đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:* Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã X chứng thực số 141, quyền số 01/2011 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 598906, của Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 06-6-2019, trích lục và biên vẽ thửa đất số 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01) và thửa đất số 450, tờ bản đồ 02, xã X, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L ký xác nhận ngày 05-4-2011. Đến ngày 21-7-2011, Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065 đối với phần diện tích đất ở nông thôn 433m², thửa đất số 308, tờ bản đồ số 01, xã X cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T, là đúng quy định pháp luật đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Trong quá trình làm việc đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã X trình bày:* Vào ngày 14-6-2011, bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H có đến Ủy ban nhân dân xã X chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01) và thửa 450, tờ bản đồ 02, xã X. Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất là do các bên tự thỏa thuận giao kết, bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã tiếp nhận và trình ký. Xét thấy, tại thời điểm chứng thực các bên giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên đã đọc lại hợp đồng và đồng ý với toàn bộ nội dung trong hợp đồng. Do đó, Ủy ban nhân dân xã X đã chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 308, tờ bản đồ số 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông T, bà H đối với thửa đất này, Ủy ban nhân dân xã X đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, đại diện Ủy ban nhân dân xã X không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

- *Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đình N trình bày:* Ông là người đang sinh sống cùng mẹ ông là bà Nguyễn Thị M tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X. Thửa đất này, mẹ ông sử dụng ổn định từ trước đến nay, không có tranh chấp và không có chuyển nhượng cho ai. Do có sự nhầm lẫn của người soạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên đã ghi trong hợp đồng chuyển nhượng cho ông T, bà H bao gồm cả thửa đất số 308. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ ông và không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:* Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 106, 195, 203 Luật Đất đai năm 2014; các Điều 131, 135, 137, 138, 697 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 79, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014, của Chính phủ về đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 14-6-2011 đối với diện tích thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H số BG 537065 thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, diện tích 433m² vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00450 ngày 21-7-2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L; Đại diện Ủy ban nhân dân xã X; Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L, Đại diện Ủy ban nhân dân xã X và vợ chồng ông T, bà H.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị M cho rằng bà không chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H diện tích đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, nên yêu cầu Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 141 quyền số 01/2011.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 6A, xã X. Đồng thời phần đất này Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H, nên bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A, xã X. Như vậy, đây là vụ án: “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; hiện nay diện tích đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Bà Nguyễn Thị M khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H nên bà M là nguyên đơn, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H là bị đơn; Bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã X công chứng số 141 quyền số 01/2011.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, nên Ủy ban nhân dân huyện L tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Công ty Cổ phần tập đoàn I nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065 cấp ngày 21-7-2011, do ông T, bà H thế chấp trong quá trình kinh doanh nên Công ty Cổ phần tập đoàn I là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Phan Đình N là người cùng sống với bà M tại thửa đất số 308, nên ông N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H thống nhất các bên không có chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X; đồng thời trên thực tế sau khi Bên bà M nhận đủ tiền từ Bên vợ chồng ông T, bà H, bà M giao toàn bộ diện tích đất thửa 450, tờ bản đồ 02, xã X cho vợ chồng ông T, bà H sử dụng; đối với diện tích đất thửa 308, tờ bản

đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X trên đất là nhà của bà M ở trên đó và bà sử dụng trong suốt thời gian qua, vợ chồng ông T, bà H cũng không có ý kiến và cũng không tranh chấp. Chứng tỏ các bên không có chuyển nhượng phần đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, là có căn cứ. Bên vợ chồng ông T, bà H đồng ý hủy phần hợp đồng đã lập do nhầm lẫn đối với thửa đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X là phù hợp quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên mà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, chứ không phải là quyết định hành chính cá biệt như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Do đó, không phải hủy giấy chứng nhận này mà căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với vợ chồng ông T, bà H bị vô hiệu do ghi nhầm lẫn tài sản chuyển nhượng, cơ quan chức năng điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014, của Chính phủ về đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn I trình bày: Trước đây vợ chồng ông T, bà H thế chấp cho Công ty Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng giữa các bên. Nhưng nay rõ sự việc như vậy Bên Công ty Cổ phần tập đoàn I cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, nên không xét. Đồng thời Công ty đồng ý giao cho cơ quan chức năng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H, là phù hợp quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

Ông N không có yêu cầu gì nên không xét.

Chi phí tố tụng bà M tạm ứng trước không yêu cầu vợ chồng ông T, bà H hoàn lại, nên không xét.

[5] *Về án phí:*

Yêu cầu của bà M được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đồng.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 105, 195, 203 Luật Đất đai năm 2014;
- Căn cứ Điều 127, Điều 131, Điều 410, Điều 425 và Điều 697 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H diện tích đất thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X, Ủy ban nhân dân xã X công chứng số 141 quyền số 01/2011.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 14-6-2011, vì bị vô hiệu do ghi nhầm lẫn tài sản chuyển nhượng.

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X.

1.3. Công ty Cổ phần tập đoàn I phải giao lại cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537065, Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Hữu T – bà Nguyễn Thị H ngày 21-7-2011, đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X.

1.4. Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan chức năng kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 308, tờ bản đồ 6A (tờ bản đồ mới 01), xã X theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, bà M nộp theo Biên lai thu số **000763** ngày 07-10-2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị M, ông N, Công ty Cổ phần tập đoàn I được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; vợ chồng ông T, bà H, Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Anh Dũng